

TRUNG QUỐC SAU 5 NĂM GIA NHẬP WTO

NGUYỄN MINH HẰNG*

NGUYỄN KIM BẢO**

Nội dung chủ yếu: Bài viết nghiên cứu, đánh giá kết quả phát triển kinh tế Trung Quốc sau 5 năm gia nhập WTO. Điểm nhấn của bài viết là việc thực hiện những cam kết, kết quả “được” nhiều hơn “mất” khi Trung Quốc gia nhập WTO.

Từ khóa: những cam kết, kết quả, thách thức, bài học kinh nghiệm

Chấm dứt quá trình đàm phán kéo dài 15 năm ròng rã, dài nhất trong lịch sử WTO, tháng 12 - 2001, Trung Quốc chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Sau 5 năm gia nhập WTO, Trung Quốc đạt được nhiều thành tựu ngoạn mục: Năm 2001, Trung Quốc bước vào “Câu lạc bộ các nước đạt ngàn tỷ USD về tổng sản phẩm quốc nội”. Năm 2004, với tổng kim ngạch ngoại thương đạt mức 1154,8 tỷ USD, nước này lại trở thành thành viên “Câu lạc bộ các nước đạt ngàn tỷ USD về tổng ngạch ngoại thương”. Với tổng kim ngạch này, Trung Quốc đã vượt qua Nhật Bản để trở thành cường quốc ngoại thương lớn nhất châu Á và thứ ba thế giới (chỉ sau Mỹ và Đức), có ảnh hưởng quan trọng đến hầu hết các lĩnh vực kinh tế trên thế giới. Trung Quốc đã làm gì để có thành quả trên?

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT SAU KHI TRUNG QUỐC GIA NHẬP WTO

Cũng như phần lớn các thành viên đang phát triển, sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc có một giai đoạn quá độ kéo dài 5 năm (từ 11-12-2001 đến 11-12-2006) để có thể thích nghi với những định chế của WTO, chuẩn bị cho việc mở cửa toàn diện thị trường.

Trong thời kỳ đầu (từ 11-12-2001 đến 11-12-2004), Trung Quốc phải chế định và hoàn thiện hệ thống luật pháp và hệ thống chính sách phù hợp với quy tắc của WTO, từng bước giảm thuế quan và dỡ bỏ các biện pháp phi thuế quan, huỷ bỏ dần sự bảo hộ đối với một số ngành sản xuất như xe hơi, đồ dùng gia đình, dệt, giấy, đồ chơi, rượu v.v...; bắt đầu cho phép mở cửa thị trường dịch vụ các

* TS. Kinh tế

** PGS.TS. Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

ngành ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, bán lẻ, vận tải, xây dựng, du lịch, giáo dục v.v.... Thời kỳ sau (từ 11-12-2004 đến 11-12-2006), một phần lớn ngành nghề phải kết thúc thời kỳ quá độ, không còn được bảo hộ, thực hiện những cam kết sau cùng của việc gia nhập WTO; những ngành then chốt vẫn còn được bảo hộ sẽ đối mặt với tình hình những cam kết bảo hộ sau cùng sắp kết thúc; thuế quan sẽ giảm mạnh, tốc độ mở cửa thị trường đối ngoại của Trung Quốc sẽ tăng lên nhanh chóng với yêu cầu cao hơn.

Từ năm 2005, cùng với việc chấm dứt bảo hộ một số ngành nhạy cảm, Trung Quốc từng bước xoá bỏ hạn chế khu vực, số lượng quyền cổ phiếu của đầu tư nước ngoài, và sẽ hoàn toàn đạt tới những cam kết cuối cùng vào cuối năm 2006. Trong thời kỳ sau của giai đoạn quá độ, 9 lĩnh vực dịch vụ lớn là thương nghiệp, xây dựng, viễn thông, bán lẻ, giáo dục, môi trường, tiền tệ, du lịch và vận tải với khoảng trên 90 ngành nghề sẽ mở cửa rộng rãi cho vốn đầu tư nước ngoài, hình thành nên hệ thống thị trường khổng lồ.

Để thực hiện tốt những cam kết với WTO, trong giai đoạn quá độ Trung Quốc đã tích cực điều chỉnh nhiều chính sách và biện pháp trong cả hai phương diện đối nội và đối ngoại.

Nhằm tăng cường vai trò điều tiết vĩ mô của bộ máy nhà nước, Trung Quốc đã tăng cường cải cách bộ máy nhà nước theo các quan điểm: trong thời kỳ đầu của kinh tế thị trường hiện đại – cũng là thời kỳ sau khi gia nhập WTO – nhà

nước có hai vai trò: là người quản lý và là chủ thể của thị trường. Nhà nước cần làm nổi bật vai trò của kinh tế thị trường, mặt khác cần giữ lại một phần vai trò nhất định của kinh tế kế hoạch – tức là người bảo hộ, người quản lý.

Trung Quốc đã đưa ra 10 sự chuyển hướng của chức năng quản lý nhà nước là: từ hình thức quản lý toàn phần chuyển sang hình thức hạn chế quản lý; từ tính chất bảo mật chuyển sang tính chất công khai, minh bạch; từ hình thức quản chế chuyển sang hình thức phục vụ; từ điều chỉnh tình hình kinh tế vĩ mô khép kín sang mở cửa đối ngoại; từ coi trọng quyền lực chuyển sang coi trọng trách nhiệm; từ tính chất trách nhiệm chuyển sang tính chất coi trọng chữ tín; chiến lược phát triển của nhà nước từ chú ý nền kinh tế chuyển sang chú trọng phát triển và an toàn kinh tế; từ lợi ích nghiêng lệch chuyển sang sự cân bằng; từ hình thức nhân trị chuyển sang hình thức pháp trị; từ tính chất làm chủ nhân dân chuyển sang tính chất người công bộc đầy tớ cho dân ⁽¹⁾.

Ba năm sau khi gia nhập WTO, nhà nước Trung Quốc đã sửa đổi hơn 2000 pháp luật pháp quy⁽²⁾, trong đó bao gồm *Luật Đầu tư Nước ngoài*, *Luật Ngoại thương*; các địa phương huỷ bỏ 190 nghìn pháp quy mang tính địa phương, điều lệ của chính quyền địa phương và những biện pháp chính sách khác. Quốc Vụ viện Trung Quốc đã 3 lần xoá bỏ và điều chỉnh 1806 hạng mục phê duyệt hành chính. Chính quyền các địa phương cũng xoá bỏ hàng trăm nghìn

hạng mục phê duyệt hành chính, đặc biệt là xoá bỏ số lượng lớn các văn kiện nội bộ.

Chính sách tài chính tiền tệ, đặc biệt là chính sách hối đoái của Trung Quốc cũng có những giải pháp thích hợp nhằm hỗ trợ sản xuất phát triển. Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã nhiều lần tuyên bố sẽ giữ ổn định giá trị đồng NDT so với đồng đô la Mỹ trong một thời gian dài (1 USD = 8,28 NDT). Trong bối cảnh đồng đô la Mỹ đang có xu hướng giảm giá so với các đồng tiền mạnh khác trên các thị trường tài chính quốc tế, điều đó khiến cho đồng NDT được định giá thấp hơn giá trị thực của nó, cũng khiến cho hàng hoá và dịch vụ của Trung Quốc có sức cạnh tranh hơn trên thị trường quốc tế. Chỉ sau khi các bạn hàng lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU gây sức ép và quan trọng là đã có những bước tiến trong việc chấn chỉnh củng cố hệ thống tài chính và ngân hàng, điều kiện kinh tế và chính trị trong nước cho phép, ngày 21-7-2005 Trung Quốc mới điều chỉnh tỷ giá hối đoái giữa đồng NDT với đồng USD từ 8,28 NDT = 1 USD lên 8,11 NDT = 1 USD.

Trung Quốc cũng đã mềm mại hơn trong vấn đề di cư trong nước, mặc dù đây đã từng được coi là một trong những mối đe dọa tình trạng quá tải ở các thành phố. Trong những năm qua, Trung Quốc đã nới lỏng dần các hạn chế đối với sự di chuyển của người dân trong nước bằng cách tăng các khoản phúc lợi xã hội cho người nông dân đang tìm kiếm việc làm ở các khu vực thành thị.

Nhờ có dòng di cư của người lao động này, mà Trung Quốc đã thực sự tạo ra một thị trường lao động năng động, thích hợp cho các vùng phát triển nhanh như miền Tây, ven biển... đồng thời góp phần tích cực tạo ra mức giá rẻ của hàng hoá Trung Quốc.

Trung Quốc cũng đã có những điều chỉnh chính sách ngành và lĩnh vực sở hữu trí tuệ rất kịp thời và sâu sắc trên cơ sở những cam kết WTO. Đó là đưa ra những chính sách mới về thương mại hàng nông sản, nhằm thúc đẩy xuất khẩu, đồng thời ngăn chặn sự thâm nhập quá mức của nông sản nước ngoài. Chính sách nông nghiệp được điều chỉnh theo hướng phân bố hợp lý các yếu tố sản xuất, thúc đẩy các khu vực có điều kiện phát huy các yếu tố sản xuất như ruộng đất, sức lao động và tài nguyên thiên nhiên. Nhanh chóng chuyển từ phát triển nông nghiệp phi truyền thống, nửa bảo hộ sang đẩy mạnh tăng trưởng xuất khẩu nông sản, phát triển có trọng điểm những ngành sản xuất nông nghiệp có lợi thế so sánh, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế như: chăn nuôi, trồng rau sạch, trồng cây ăn quả đặc sản, chế biến thực phẩm. Phương thức quản lý nông nghiệp của nhà nước được chuyển từ can thiệp trực tiếp vào thị trường và giá cả nông sản sang tăng cường đầu tư cho khoa học kỹ thuật và đầu tư xây dựng cơ bản trong nông nghiệp.

Để phần nào giảm những tác động lớn theo "Luật chơi" WTO, Trung Quốc thực hiện điều chỉnh và nâng cấp ngành

nghề công nghiệp theo hướng: (i) với các ngành tập trung lao động, tăng nhanh đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao chất lượng và đẳng cấp sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng; (ii) đẩy mạnh phát triển các ngành tập trung kỹ thuật và các ngành kỹ thuật cao, mới, giảm tỷ trọng công nghiệp chế biến thông thường, đào thải các ngành kỹ thuật lạc hậu, không có lợi thế về tài nguyên, gây ô nhiễm; (iii) với các ngành tập trung vốn và kỹ thuật nhưng không có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh yếu, chủ động nhập khẩu kỹ thuật, hợp tác với nước ngoài, “đổi thị trường lấy vốn, lấy kỹ thuật”.

Trung Quốc đã tổ chức xây dựng 500 tập đoàn doanh nghiệp cỡ lớn và công ty xuyên quốc gia để hình thành nên những đầu tàu trong công nghiệp, từ đó có thể tham gia vào cạnh tranh trên thế giới. Đồng thời điều chỉnh chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào các ngành trọng điểm, khuyến khích các công ty xuyên quốc gia tăng vốn đầu tư. Những biện pháp bảo hộ phi thuế quan của Trung Quốc không phù hợp với biện pháp bảo hộ mậu dịch của WTO cũng dần được xoá bỏ.

Với các ngành dịch vụ, chính sách mở cửa của Trung Quốc nhìn chung ở mức thấp và phân biệt đối xử rất rõ với các ngành khác nhau của nước ngoài. Mức độ mở đối với những ngành như ngân hàng, viễn thông, bảo hiểm là thấp, còn đối với dịch vụ vận tải biển, kế toán, bán lẻ hàng hoá thì cao hơn. Trong khi đó, Trung Quốc đẩy nhanh điều chỉnh kết cấu ngành dịch vụ, nâng cao chất lượng

và sức cạnh tranh quốc tế, mở rộng các loại sản phẩm dịch vụ, nâng cao tỷ trọng ngành dịch vụ hiện đại. Đã tăng cường cải tạo các ngành như giao thông vận tải, lưu thông hàng hoá, ăn uống, dịch vụ công cộng, dịch vụ nông nghiệp, tích cực phát triển các ngành đòi hỏi tiềm lực lớn như nhà đất, quản lý hàng hoá, du lịch, giáo dục đào tạo, văn hoá... Đồng thời ra sức phát triển các ngành trung gian như thông tin, tiền tệ, bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, tư vấn, dịch vụ pháp luật, dịch vụ khoa học kỹ thuật. Tăng cường cải cách doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh quốc tế của các doanh nghiệp làm dịch vụ. Mở rộng đầu vào thị trường cho ngành dịch vụ.

Vấn đề sở hữu trí tuệ cũng được Trung Quốc quan tâm thông qua sửa đổi các quy định áp dụng cho việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, soạn thảo luật về cạnh tranh không lành mạnh, chuyển giao công nghệ và bảo vệ phần mềm máy tính, chứng chỉ, chu trình kèm theo, các sản phẩm dược và nông sinh học...

II. NHỮNG KẾT QUẢ TO LỚN VÀ TOÀN DIỆN

Với những chính sách điều chỉnh tích cực và kịp thời trên, sau gần 5 năm gia nhập WTO, nền kinh tế Trung Quốc đã có sự phát triển vượt bậc. Mối lo của nhiều người về “hàng ngoại tràn ngập” khiến các ngành sản xuất liên quan bị ảnh hưởng nghiêm trọng đã không xảy ra. Ngược lại tốc độ tăng trưởng GDP và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc liên tục giữ ở mức cao.

Gia nhập WTO đã tạo điều kiện phát triển rất lớn cho thương mại quốc tế của Trung Quốc. Vị trí xuất khẩu của Trung Quốc trên thế giới đã từ thứ 6 năm 2001 tăng lên thứ 3 trên thế giới năm 2004, với tổng kim ngạch ngoại thương đạt mức 1154,8 tỷ USD. Năm 2005, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Trung Quốc đạt 1422,1 tỷ USD⁽³⁾, vẫn duy trì vị trí thứ ba thế giới. Sáu tháng đầu năm 2006, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 795,7 tỷ USD, tăng trưởng 23,4% so với cùng kỳ năm trước⁽⁴⁾.

Sức hấp dẫn đối với đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc những năm qua cũng tăng mạnh. Năm 2002 vốn đầu tư nước ngoài thực tế của Trung Quốc là 52,7 tỷ USD tăng 12,5%, trở thành nước sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhiều nhất trong năm. Năm 2004, vốn đầu tư thực tế là 60,6 tỷ USD tăng 13,3%. Năm 2005, Trung Quốc đã cấp giấy phép thành lập mới 44.001 doanh nghiệp có vốn ngoại đầu tư trực tiếp với số vốn sử dụng thực tế là 60,3 tỷ USD. Sáu tháng đầu năm 2006, tổng kim ngạch đầu tư nước ngoài ký kết theo hợp đồng là 88,5 tỷ USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong 500 công ty xuyên quốc gia lớn nhất trên toàn cầu đã có hơn 400 công ty đầu tư vào Trung Quốc, hơn 400 cơ quan nghiên cứu phát triển đầu tư nước ngoài được xây dựng. Quy mô xuất khẩu ở các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã chiếm 50% xuất khẩu của cả nước. Thu hút đầu tư nước ngoài cũng góp phần làm cho nguồn dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc tăng lên. Đến cuối tháng sáu năm 2006 dự trữ

ngoại hối của Trung Quốc đạt 941,1 tỷ USD⁽⁵⁾. Điều đó đã mang lại sự đảm bảo an toàn cho nền kinh tế Trung Quốc.

Gia nhập WTO còn tạo ra môi trường cho các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài. Tính đến cuối năm 2002, Trung Quốc đã có 2.328 doanh nghiệp có mặt trên 128 nước và khu vực, tổng vốn đầu tư phía Trung Quốc đạt gần 30 tỷ USD. Năm 2005, Trung Quốc đã đầu tư ra nước ngoài 6,9 tỷ USD, tăng 26% so với năm 2004.

Kinh tế đối ngoại tăng nhanh đã thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế quốc dân duy trì được mức tăng trưởng nhanh. Năm 2002, tổng giá trị sản phẩm quốc nội (GDP) Trung Quốc đã đạt 1.000 tỷ USD, tăng 8%. Năm 2003, GDP đạt 1.400 tỷ USD, tăng 9,1%. Năm 2005, GDP đạt 18.232,1 tỷ NDT (khoảng 2.225,7 tỷ USD), tăng 9,9% so với năm trước⁽⁶⁾. Sáu tháng đầu năm 2006, GDP đạt 9144,3 tỷ NDT, tăng trưởng 10,9% so với cùng kỳ năm trước⁽⁷⁾.

Dưới tác động của các cam kết WTO, hàng loạt văn bản pháp luật, pháp quy được Trung Quốc xử lý, sửa đổi. Độ minh bạch của pháp luật được nâng cao, từng bước xây dựng hệ thống pháp luật pháp quy về kinh tế đối ngoại thống nhất, minh bạch, phù hợp với những nhu cầu của kinh tế thị trường XHCN.

Một kết quả rất quan trọng nhờ gia nhập WTO là Trung Quốc đã phát huy được lợi thế so sánh, tăng cường điều chỉnh kết cấu ngành nghề trong nước. Năm 2004 sản lượng lương thực tăng 9%

so với năm trước, đạt mức 469,47 triệu tấn. Sản lượng nông sản tăng dần từng năm, sự suy yếu của nông nghiệp do việc gia nhập WTO đã không xảy ra. Hiện nay Trung Quốc sản xuất 46% thịt lợn, 24% bông sợi, 23% trà, 15% ngũ cốc, 70% lê, 48% táo, 32% đào, 30% cà chua của thế giới. Trung Quốc hiện đứng đầu thế giới về xuất khẩu rau khô, nấm chế biến, tỏi và quả đóng hộp. Sản lượng thủy sản của Trung Quốc đã tăng gấp 3 trong 10 năm, đạt 45 triệu tấn vào năm 2002 và năm 2004 đạt 48,5 triệu tấn, chiếm 1/3 sản lượng của thế giới. Trung Quốc hiện đứng đầu về xuất khẩu thủy sản với giá trị 4,5 tỷ USD. Nhìn chung mấy năm qua mật độ hàng nông sản của Trung Quốc tăng lên với tốc độ cao. Kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản của Trung Quốc thời gian 1997 – 2001 tăng trưởng với tốc độ 7,9%, nhưng năm 2002, 2003 và 2004 tỷ lệ tăng trưởng đều vượt mức cũ, lần lượt đạt 12,9%, 18,1% và 10,7%. Hiện nay Trung Quốc đứng thứ 8 trên thế giới về xuất khẩu nông sản và hàng đầu ở châu Á⁽⁸⁾.

Ngành công nghiệp Trung Quốc sau khi gia nhập WTO cũng có những chuyển biến rất lớn. Các ngành dệt, công nghiệp nhẹ, cơ điện, than xây dựng, luyện kim, kim loại màu v.v... có ưu thế truyền thống tiếp tục được phát huy. Từ năm 2002 khả năng sản xuất trong ngành dệt may, lụa, sợi hoá học, gang thép, phân hoá học v.v... đứng đầu thế giới. Máy điều hoà không khí, máy giặt, tủ lạnh có sản lượng lần lượt chiếm 30%, 24% và 16% tổng sản lượng trên toàn

thế giới, với một loạt doanh nghiệp nhiều lợi thế và thương hiệu nổi tiếng.

Sau khi gia nhập WTO, các ngành dịch vụ cũng thu được nhiều kết quả tích cực. Tính đến cuối năm 2005, đã có 71 ngân hàng nước ngoài từ 20 quốc gia và vùng lãnh thổ khác đã thành lập 238 đơn vị hoạt động tại 23 thành phố của Trung Quốc⁽⁹⁾. Dịch vụ bảo hiểm, thị trường chứng khoán, dịch vụ bán lẻ, dịch vụ pháp luật, dịch vụ du lịch, giáo dục... cũng có những phát triển nhanh chóng nhờ chính sách mở cửa thông thoáng.

Thực hiện quyền lợi của thành viên WTO, Trung Quốc cũng đã lợi dụng những quy tắc của WTO để bảo vệ có hiệu quả sự an toàn những ngành nghề trong nước, cải thiện môi trường bên ngoài để phát triển kinh tế đất nước. Từ đó, tham gia sâu hơn vào toàn cầu hoá kinh tế, thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại, tích cực phát triển hợp tác kinh tế vùng.

Trong 10 bạn hàng thương mại lớn với Trung Quốc thì đã có đến 7 bạn hàng là các nước và khu vực lân cận. Trên 50% thương mại đối ngoại của Trung Quốc là với các khu vực xung quanh; 70% vốn thu hút đầu tư nước ngoài là đến từ những khu vực này⁽¹⁰⁾; đây cũng là thị trường quan trọng để Trung Quốc mở rộng những công trình bao thầu và hợp tác lao động. Cùng với tốc độ hội nhập, vị thế của Trung Quốc ngày càng tăng hơn trên trường quốc tế. Mọi lĩnh vực, mọi hoạt động mang tính toàn cầu đều không thể vắng mặt Trung Quốc.

Ở trong nước, đời sống của nhân dân Trung Quốc không ngừng được cải thiện nâng cao, xã hội ổn định. Thu nhập bình quân của người dân ở nông thôn đã tăng từ 2.366 NDT năm 2001 lên 3255 NDT năm 2005; thu nhập bình quân của người dân ở các thành phố thị trấn năm 2001 là 6.860 NDT tăng lên 10.493 NDT năm 2005⁽¹¹⁾. Cùng với việc nâng cao mức sống của nhân dân, chất lượng cuộc sống cũng được nâng cao ở tất cả các mặt: nhà ở, giao thông, thông tin, văn hóa, giáo dục, y tế ...

III. NHỮNG THÁCH THỨC VẤN TÔN TẠI

Bên cạnh những thành tựu to lớn nêu trên, Trung Quốc cũng phải đang đối mặt với 6 thách thức lớn:

Thứ nhất, phương thức quản lý kinh tế của nhà nước vẫn chưa hoàn toàn thích ứng với tình hình mới, việc ứng phó của các khu vực và các ngành nghề khác nhau vẫn chưa đồng đều và đủ mạnh. Điều này biểu hiện chủ yếu ở chỗ: năng lực điều tiết và ứng phó vĩ mô của một số ban ngành vẫn yếu và bị động; lập pháp trì trệ, có luật mà không làm theo, hiện tượng không chấp hành phán quyết của tòa án, trọng tài v.v... vẫn còn tồn tại; nhà nước can thiệp trực tiếp vào kinh tế vẫn tương đối nhiều, chức năng quản lý công cộng và dịch vụ xã hội vẫn còn chưa tốt; một số địa phương đã không chú trọng làm tốt công tác ứng phó sau khi gia nhập WTO, để rơi vào thế tương đối bị động. Những điều đó khiến cho môi

trường kinh doanh của Trung Quốc vẫn không minh bạch, không ổn định, chưa đáp ứng được tiêu chuẩn của WTO.

Thứ hai, nền kinh tế Trung Quốc có nhiều biểu hiện bị quá nóng dù nhà nước đã sử dụng nhiều biện pháp ngăn chặn và hạ nhiệt. Theo các nhà phân tích kinh tế, dù xem xét dưới bất cứ góc độ nào thì tốc độ tăng trưởng 9,5% cũng là quá nhanh, dễ xuất hiện “bong bóng” hoặc lệch lạc mất cân đối. Sản lượng công nghiệp tăng nhanh, đạt tới 17,7% trong 6 tháng đầu năm 2006 cao hơn rất nhiều so với mức trung bình 10% trong một thập niên trước. Cung cấp năng lượng trở nên căng thẳng.

Các ngành công nghiệp đều xuất hiện tình trạng cung vượt cầu, những xí nghiệp có kỹ thuật thấp kém, quy mô nhỏ, sức cạnh tranh kém đều đã bị phá sản. Sức ép lạm phát và rủi ro tiền tệ tăng lên.

Thứ ba, thương mại quốc tế của Trung Quốc bị đe dọa bởi chính sách bảo hộ thương mại của các nước và sự vi phạm của bản thân các ban ngành, các doanh nghiệp Trung Quốc. Riêng năm 2004, có 16 nước và khu vực tiến hành 57 cuộc điều tra về an toàn sản phẩm đặc thù, chống bán phá giá với các nhà xuất khẩu Trung Quốc với giá trị 1,26 tỷ USD. Tổng số kim ngạch ảnh hưởng trực tiếp đến xuất khẩu của Trung Quốc lên đến trên 10 tỷ USD⁽¹²⁾.

Trung Quốc còn gặp khó khăn do một số quốc gia thực hiện các tiêu chuẩn kỹ

thuật về chất lượng, vệ sinh, an toàn v.v... rất chặt chẽ.

Thứ tư, sức ép mở cửa thị trường đối với nền kinh tế tăng lên trước vòng đàm phán thương mại đa phương mới trong tình trạng sức cạnh tranh của các ngành nghề còn hạn chế. Trung Quốc đã đưa ra nhiều cam kết cho việc gia nhập WTO mà muốn có được những tác động tích cực do mở cửa thị trường thì phải tiến hành điều chỉnh cơ cấu ngành trong nước, với những sức ép tương đối nặng nề. Việc điều chỉnh trong ngành nông nghiệp vẫn chưa thực sự đến nơi đến chốn, cho nên còn tồn tại một số vấn đề. Ngành công nghiệp có một số lĩnh vực đứng trước những thách thức nghiêm trọng. Các ngành dịch vụ cũng chịu sự cạnh tranh ngày càng ác liệt đi đôi với mức tăng về trình độ mở cửa.

Hiệu suất hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước chưa cao cũng kéo theo sức cạnh tranh yếu kém. Ngành bán lẻ đang lo lắng trước sự cạnh tranh của nước ngoài.

Thứ năm, kinh tế các vùng miền tiếp tục phát triển không cân bằng.

Thứ sáu, vấn đề giải quyết việc làm còn nhiều khó khăn. Năm 2005 số người cần việc làm của các thành phố thị trấn là gần 24 triệu người. Tuy nền kinh tế vẫn duy trì được mức tăng trưởng cao khoảng 9,5%, nhưng với kết cấu kinh tế như hiện nay thì Trung Quốc chỉ có thể đáp ứng nhu cầu việc làm cho hơn 10 triệu người, vẫn còn khoảng 14 triệu người thiếu việc làm. Đồng thời một bộ

phận lao động ở nông thôn do không có đất canh tác đã chuyển hướng vào thành phố tìm việc ngày càng tăng cao, lên đến hàng trăm triệu.

III. MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM VIỆT NAM CÓ THỂ THAM KHẢO

Có thể nói, sau 5 năm quá độ thực hiện cam kết với WTO, hầu hết các nghiên cứu tổng kết đều khẳng định: Trung Quốc đã được nhiều hơn mất trong việc phát triển thương mại và chinh phục thị trường thế giới. Tổng kim ngạch thương mại quốc tế của nước này đã tăng gấp đôi chỉ trong mấy năm qua, và sự tăng trưởng GDP vẫn liên tục dẫn đầu thế giới với nhịp độ ngoạn mục xấp xỉ hai chữ số. Người Trung Quốc cũng hoan hỷ vì sau khi gia nhập WTO, không có ngành nào lâm vào khủng hoảng, ngược lại những ngành mà trước đây người ta dự đoán sẽ gặp nhiều cam go như công nghiệp xe hơi hay nông nghiệp thì vẫn phát triển mạnh và ổn định. Còn những ngành được dự đoán là sẽ tăng tốc nhờ mở cửa, ví dụ như ngành dệt may thì đã bứt lên rất ngoạn mục.

Những kết quả này có được là nhờ Trung Quốc đã chuẩn bị kỹ lưỡng, nắm chắc thời cơ thuận lợi do giai đoạn quá độ đưa lại, nên đã củng cố được nhiều mối quan hệ quốc tế, nâng cao được tiềm lực kinh tế và sức cạnh tranh quốc tế cho mình. Đây cũng là bài học kinh nghiệm quan trọng nhất của Trung Quốc sau 5 năm gia nhập WTO.

Trung Quốc và Việt Nam đều là hai nước đang phát triển. Trung Quốc gia nhập WTO trước ta 5 năm. Từ kinh nghiệm của Trung Quốc khi gia nhập WTO ta cần làm một số việc sau:

Một là, cần tổ chức nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, phổ biến kiến thức về WTO rộng rãi trong người dân, đặc biệt là trong cán bộ liên quan tới kinh tế đối ngoại và các doanh nghiệp, để hội nhập một cách tự tin, chủ động.

Hai là, không nên ỷ lại vào những thuận lợi của giai đoạn quá độ, mà phải tranh thủ nắm thời cơ, có chiến lược ứng phó căn bản lâu dài để hạn chế những mặt trái của việc gia nhập WTO và hội nhập kinh tế quốc tế nói chung.

Ba là, nhà nước cần chú ý nhiều hơn nữa đến việc hoàn thiện pháp luật, cải tiến thủ tục hành chính, cải tạo “môi trường mềm” cho thương mại và đầu tư quốc tế, tránh tình trạng có tiềm năng lớn nhưng đất đỏ, rui ro cao

Bốn là, để bảo vệ hàng hoá và các ngành nghề trong nước trước sự cạnh tranh của nước ngoài, Việt Nam cần tăng cường nghiên cứu luật chống bán phá giá của WTO và của các nước; ban hành luật chống bán phá giá của nước mình đối với hàng hoá nhập khẩu của nước ngoài. Cần học tập Trung Quốc trong việc thương thảo và hầu kiện, học hỏi cách làm việc trong WTO, nhằm khai thác tối đa các quy tắc xét thấy có lợi cho mình,

Năm là, nhanh chóng điều chỉnh chính sách ngành nghề, nâng cao năng

lực sản xuất và sức cạnh tranh của các ngành nghề. Cần chú trọng chuyển đổi cơ cấu, phát triển các sản phẩm có lợi thế so sánh, xây dựng hệ thống thương hiệu sản phẩm Việt Nam, tích cực đào tạo nhân lực, mạnh dạn thuê các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao (kể cả từ nước ngoài) đóng góp cho những ngành nghề có lợi thế nhưng còn yếu kém trong cạnh tranh quốc tế như bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, viễn thông.../.

CHÚ THÍCH:

(1) Viên Viên: *Năm thứ 4 gia nhập WTO – thách thức mất đi hàng rào bảo hộ.* – T/c Liêu vọng, số 52, 27.12.2004

(2) Mạng Trung ương: www.gov.cn, ngày 6-9-2006. Nguồn: Tân Hoa xã

(3), (11) *Tình hình phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc năm 2005.* Công báo ngày 2-2-2006 của Cục thống kê Nhà nước Trung Quốc.

(4), (5), (7) *Tình hình phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc 6 tháng đầu năm 2006.* Công báo ngày 18-7-2006 của Cục thống kê Nhà nước Trung Quốc.

(6) *Báo cáo hàng năm Trung Quốc và WTO (2005 – 2006)*, Nxb Thương vụ Trung Quốc, BK, 6.2006.

(8), (9), (10) Nguyễn Kim Bảo (chủ biên): *Gia nhập WTO- Trung Quốc làm gì và được gì?.* - Nxb Thế giới, 2006

12. Trương Hán Lâm (2004). *Phân tích các vụ án chống bán phá giá của WTO*, Nxb Nhân dân (TQ).